TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 17-9-2019
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: Số nhà 46, đường Nguyễn Chí Th, Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Biện Ngọc C, sinh năm 1991; vắng mặt.

Anh Ngô Thanh Tr, sinh năm 1987; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 5, ấp Th, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị T trình bày:

Chị Biện Ngọc C có tham gia chơi 02 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Chị C tham gia chơi 01 phần hụi của dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 19/11/2015 (âm lịch), hụi gồm 26 phần, chị C đã lĩnh hụi vào kỳ ngày 19/5/2016 (âm lịch). Bà đã đăng đủ cho chị C số tiền đã lĩnh hụi là 96.310.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi, chị C đóng hụi chết không đủ, không đều. Đến ngày 08/8/2017 (âm lịch) bà và chị C chốt lại tiền hụi chị C không góp và còn nợ bà đến mãn hụi (19/11/2017 âm lịch) là 25.000.000 đồng. Khi chốt nợ thì có làm giấy tờ và chị C có ký tên. Ngày 24/9/2017 (âm lịch) chị C đóng cho bà được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 20.000.000 đồng đến nay mãn hụi chưa đóng thêm được đồng nào.

Ngày 15/5/2016 (AL) chị C có tham gia chơi 01 phần hụi 3.000.000 đồng, hụi gồm 26 phần, chị C đã hốt hụi vào kỳ mở hụi ngày 15/6/2016 (AL), bà đã đăng đủ số tiền chị C đã lĩnh hụi là 52.860.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi, chị C đóng hụi không đủ, không đều. Đến ngày 08/8/2017 (AL) bà và chị C chốt lại số tiền hụi chết chị C chưa góp và còn nợ bà đến ngày mãn hụi (15/5/2018 âm lịch) là 30.000.000 đồng. Sau khi làm giấy nợ thì chị C không đóng được cho bà số tiền hụi chết nào.

Cả hai dây hụi 5.000.000 đồng và 3.000.000 đồng chị C góp hụi cho bà không đủ, không đều và chị C có ghi vào giấy nợ ngày 28/6/2017 (AL) còn nợ bà số tiền 23.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 19/6/2016 (AL) chị C có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy tờ do chị C ký tên. Hẹn đến cuối năm 2017 (AL) sẽ trả nhưng chưa trả được tiền gốc và lãi.

Nay bà yêu cầu chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr trả cho bà tổng số tiền 103.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng đối với tiền hụi và tiền vay cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, cụ thể: Hụi 5.000.000 đồng còn nợ số tiền 20.000.000 đồng (chốt nợ ngày 08/8/2017 AL) nhưng bà yêu cầu tính lãi kể từ ngày mở hụi 19/8/2017 (AL); hụi 3.000.000 đồng còn nợ số tiền 30.000.000 đồng (chốt nợ ngày 08/8/2017 AL) nhưng bà yêu cầu tính lãi kể từ ngày mở hụi 15/8/2017 (AL); hụi đóng không đủ, không đều tính lãi kể từ ngày 28/6/2017 (AL); tiền vay 30.000.000 đồng tính lãi kể từ ngày 19/6/2016 (AL).

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2019, bị đơn – chị Biện Ngọc C trình bày:

Chị thống nhất với số tiền 103.000.000 đồng mà bà Lê Thị T yêu cầu, chị đồng ý trả cho bà T số tiền 103.000.000 đồng, chị không đồng ý trả tiền lãi. Chị cho rằng số tiền 103.000.000 đồng là nợ riêng của chị, chồng chị anh Ngô Thanh Tr không liên quan, không biết số tiền nêu trên.

Bị đơn chị Biện Ngọc C đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai để làm việc nhưng chị C không đến nên Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục đúng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Ngô Thanh Tr trình bày:

Anh không đồng ý trả cho bà T số tiền như bà T yêu cầu, anh chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền của phần hụi 5.000.000 đồng còn nợ 04 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng. Ngoài ra anh không biết vợ anh là chị Biện Ngọc C có chơi hụi nào khác và vay tiền của bà T hay không.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị T yêu cầu chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr trả tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng 103.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết, vào ngày 18/4/2019 chị C thống nhất còn nợ bà T số tiền 103.000.000 đồng, chị đồng ý trả cho bà T số tiền này nhưng không đồng ý trả tiền lãi. Sau đó, chị C bỏ đi khỏi địa phương và không đến Tòa để giải quyết tranh chấp. Anh Tr không đồng ý đối với yêu cầu của bà T, anh chỉ đồng ý trả bà T tiền hụi 20.000.000 đồng. Việc chị C, anh Tr có tham gia góp hụi và đến nay còn nợ tiền hụi chết và tiền vay của bà T tổng cộng 103.000.000 đồng là có thật, được chị C thừa nhận. Việc chị C không góp hụi là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên nên việc bà T khởi kiện chị C, anh Tr là có cơ sở chấp nhận. Hôn nhân giữa chị C và anh Tr là hôn nhân hợp pháp nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình thì anh Tr phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do chị C thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C và anh Tr.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr hoàn trả số tiền hụi và tiền vay nên Hội đồng xét

xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

[3] Về pháp luật áp dụng: Do hợp đồng vay tài sản và góp hụi giữa bà Lê Thị T và chị Biện Ngọc C, anh Ngô Thanh Tr giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[4] Về hợp đồng vay tài sản và góp hụi:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr trả số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng 103.000.000 đồng thấy rằng:

Việc vay tiền của chị Biện Ngọc C và chơi hụi của chị Cẩm với bà Lê Thị T là có thật được thể hiện qua các giấy nợ vay và nợ hụi ngày 19/6/2016 (AL), ngày 08/8/2017 (AL) và được hai bên thừa nhận. Chị C thống nhất và đồng ý trả bà T số tiền 103.000.000 đồng. Việc chị C nợ tiền vay không trả và đã lĩnh hụi nhưng không góp hụi cho bà T khi đến kỳ mở hụi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471; Điều 474; Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường buộc chị Biện Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền vay và tiền hụi 103.000.000 đồng.

Bà Lê Thị T yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng đối với tiền vay và tiền hụi, cụ thể như sau:

Đối với tiền nợ vay 30.000.000 đồng yêu cầu tính lãi kể từ ngày 19/6/2016 (AL) nhằm ngày 22/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2019), lãi suất 0,75%/tháng: 30.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 37 tháng 26 ngày (chỉ yêu cầu 37 tháng) = **8.325.000 đồng.**

Tiền nợ hụi 20.000.000 đồng yêu cầu tính lãi kể từ ngày 19/8/2017 (AL) nhằm ngày 08/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2019), lãi suất 0,75%/tháng: 20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng 09 ngày (chỉ yêu cầu 23 tháng) = **3.450.000 đồng.**

Tiền nợ hụi 30.000.000 đồng yêu cầu tính lãi kể từ ngày 15/8/2017 (AL) nhằm ngày 04/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2019), lãi suất 0,75%/tháng: 30.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng 13 ngày (chỉ yêu cầu 23 tháng = **5.175.000 đồng.**

Tiền nợ hụi 23.000.000 đồng yêu cầu tính lãi kể từ ngày 28/6/2017 (AL) nhằm ngày 21/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2019), lãi suất 0,75%/tháng: 23.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 25 tháng 27 ngày (chỉ yêu cầu 25 tháng) = **4.312.500 đồng (chỉ yêu cầu trả 4.312.000 đồng).**

Tổng cộng tiền gốc và lãi: 103.000.000 đồng + 21.262.000 đồng = **124.262.000 đồng.**

Việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi và nợ vay của bà Lê Thị Tn là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 10, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc chị C trả cho bà T tổng cộng tiền gốc và lãi là 124.262.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Lê Thị T yêu cầu chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr cùng có trách nhiệm trả số nợ vay và nợ hụi tổng cộng gốc và lãi 124.262.000 đồng. Anh Tr chỉ biết phần hụi 5.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 04 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không biết chị C có chơi hụi nào khác và vay tiền của bà T hay không.

Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nợ tiền vay và tiền hụi chết của chị C được thể hiện trong các giấy nợ, có chữ ký của chị C, được chị C thừa nhận. Chị C cho rằng việc chơi hụi giữa chị và bà T thì chồng chị là anh Tr hoàn toàn không biết. Tòa án đã triệu tập chị Cẩm nhiều lần để tiến hành lấy lời khai và hòa giải nhưng chị không đến Tòa để làm việc. Chị C trình bày số tiền nợ bà T là nợ riêng của chị nhưng không trình bày việc chơi hụi và vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Anh Tr cũng biết chị C có chơi hụi, cụ thể là chơi hụi 5.000.000 đồng. Ngoài lời khai của chị C và anh Tr thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh số tiền nợ bà T là nợ riêng của chị C. Hơn nữa, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị C và anh Tr. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc anh Tr có nghĩa vụ liên đới cùng với chị C trả cho bà T số tiền nợ vay và tiền nợ hụi tổng cộng gốc và lãi 124.262.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T được chấp nhận nên chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr phải chịu 6.213.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471; Điều 474; Điều 476, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ vay và nợ hụi 103.000.000 (một trăm linh ba triệu) đồng và tiền lãi 21.262.000 (hai mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi 124.262.000 (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Chị Biện Ngọc C và anh Ngô Thanh Tr phải chịu 6.213.000 (sáu triệu hai trăm mười ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị T 2.975.000 (hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006190 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ P.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương